

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2018/HS - ST
Ngày: 05 - 7 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quang Việt

Ông Lê Quang Thạch

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quảng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2018/HSST ngày 11/5/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HS ngày 25/6/2018 đối với bị cáo: Nguyễn Văn H (tên gọi khác: B), sinh ngày 20/12/1989 tại L, Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn X 3, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Không nghề; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Trương Thị L; Vợ: Nguyễn Thị L; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Sinh ra và lớn lên được bố mẹ nuôi cho ăn học đến lớp 9/12 thì nghỉ học, lao động phụ giúp gia đình, đến tháng 10/2017 có hành vi Lạm dụng chiếm đoạt tài sản, sau đó bỏ trốn vào Thành phố H, tiếp tục có hành vi sử dụng ma túy bị công an lập hồ sơ đưa vào cơ sở xã hội Nhi Xuân dưới tên gọi khác là Trần Hữu D, sinh năm 1985 ở H, L, Quảng Bình, đến ngày 02/02/2018 bị Tòa án nhân dân huyện H, thành phố H ra Quyết định số 82/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Hiện tại đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy số 1 ở xã Đ, huyện T, tỉnh Đ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Vợ chồng chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1984 và anh Trần Hữu L, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn X 2, H, L, Quảng Bình, đều vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Hoàng Xuân T, sinh năm 1960, địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Người làm chứng:

Trần Văn Tr, sinh năm 1991; địa chỉ: X 2, H, L, Quảng Bình, vắng mặt.

Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: N, V, Quảng Ninh, Quảng Bình, vắng mặt.

Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ: E, H, L, Quảng Bình, vắng mặt.

Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: X 3, H, L, Quảng Bình, vắng mặt.

Nguyễn Văn Đ, sinh 1961; địa chỉ: X 3, H, L, Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 12/10/2017, Nguyễn Văn H đến nhà chị Nguyễn Thị Bở thôn X 2, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình mượn xe mô tô Biển kiểm soát(BKS) 73H1 – 152.61 nhãn hiệu Yamaha Sirius của anh Trần Hữu L (chồng chị B) và 01 cái can nhựa để đi mua xăng, sau khi mượn được xe H không đi mua xăng mà chạy đến nhà bà Nguyễn Thị H (là mẹ vợ của H) rồi chở con của H đến nhà bà Nguyễn Thị H (là cô ruột của Hải) ở V, Q, Quảng Bình chơi. Sau đó H gọi điện cho vợ đang sống tại thành phố H, sau khi gọi điện H điều khiển xe mô tô nói trên đến cửa hàng cầm đồ A T ở tổ dân phố 2, phường Đ, thành phố Đ (do anh Hoàng Xuân T làm chủ) cầm cố cùng với 01 giấy chứng minh nhân dân và giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Hữu L lấy 10.000.000 đồng rồi đưa con trai vào thành phố H. Số tiền có được Hải mua 01 điện thoại di động hết 5.6000.000 đồng, số còn lại H mua ma túy và thuê nhà nghỉ sử dụng hết.

Về vật chứng:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L tạm giữ xe mô tô BKS 73H1 – 152.61; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Trần Hữu L. Toàn bộ số tài sản nói trên đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Về dân sự:

Anh Trần Hữu L và chị Nguyễn Thị B đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm; anh Hoàng Xuân T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mà bị cáo đã cầm cố theo hợp đồng là 10.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐ ĐG ngày 20/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L, tỉnh Quảng Bình đã kết luận chiếc xe mô tô BKS 73H1 – 152.61 mà bị cáo Nguyễn văn H chiếm đoạt của vợ chồng anh Trần Hữu L và chị Nguyễn Thị B có giá trị 14.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 13/CT-VKSNDLT ngày 10/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố Nguyễn Văn H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 140; các điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Nguyễn Văn H từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận do không có tiền vào thành phố H thăm vợ nên bị cáo đã cầm cổ xe mô tô mượn được từ chị Nguyễn Thị B lấy tiền rồi trốn vào H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với những lời khai của người bị hại, người có quyền lợi liên quan, người làm chứng và các tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được.

[2] Về hành vi, quyết định của cơ quan Điều tra, cơ quan Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì.

[3] Bị cáo Nguyễn Văn H lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại, đã có hành vi mượn xe mô tô BKS 73H1-152.61 rồi đem cầm cố cùng giấy chứng minh nhân dân, giấy đăng ký xe mô tô lấy 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với những lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, không gian, thời gian, địa điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan Điều tra đã thu thập được.

[4] Bị cáo Nguyễn Văn H lạm dụng tín nhiệm của người bị hại, đã chiếm đoạt tài sản có trị giá 14.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, hành vi đó gây bất bình hoang mang trong quần chúng nhân dân tại địa phương, cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Như vậy đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại: Khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới mười lăm triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó;

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng các tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản...”

Viện kiểm sát nhân dân huyện Lê Thủy truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[5] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 để xem xét khi lượng hình đối với bị cáo là thể hiện tính nhân đạo của pháp luật và cũng phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Vợ chồng anh Trần Hữu L và chị Nguyễn Thị B là người bị hại đã nhận lại đủ số tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét; đối với anh Hoàng Xuân T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 10.000.000 đồng mà bị cáo đã cầm cố xe máy theo như hợp đồng, số tiền này bị cáo chưa trả lại, tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý sẽ trả lại số tiền này, vì vậy cần buộc bị cáo trả lại cho anh Thắng là có cơ sở.

[7] Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L tạm giữ xe mô tô BKS 73H1 – 152.61; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Trần Hữu L. Toàn bộ số tài sản nói trên đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu, tại cơ quan điều tra người bị hại không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

[9] Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 140; các điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: Nguyễn Văn H 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn kể từ ngày bắt tạm giam(02/7/2018). Tuyên bố tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

3/ Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; các Điều 579; 580 Bộ luật dân sự, xử buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải trả lại cho anh Hoàng Xuân T ở tổ

dân phố 2, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình số tiền 10.000.000đ(Mười triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3/ Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án(05/7/2018) bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình để yêu cầu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm; người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan(vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường nơi họ thường trú./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKS huyện L;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- THADS huyện L;
- THAHS;
- STP tỉnh Quảng Bình;
- Lưu VP; Hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dương